

TRAO ĐỔI KINH TẾ GIỮA HAI MIỀN BẮC - NAM VIỆT NAM QUA GIỚI TUYẾN QUÂN SỰ TẠM THỜI TRONG NHỮNG NĂM 1954-1958

HOÀNG CHÍ HIẾU*

Tóm tắt: Sau thời hạn 300 ngày chuyển quân tập kết theo Hiệp định Genève (21-7-1954), hầu hết các mối quan hệ giữa hai miền Bắc - Nam Việt Nam bị cắt đứt. Tuy nhiên, tại khu vực giới tuyến quân sự tạm thời ở vĩ tuyến 17, trao đổi kinh tế giữa nhân dân hai miền vẫn diễn ra khá sôi nổi, ngay cả khi cuộc tổng tuyển cử tái thống nhất đất nước vào tháng 7-1956 không được thực thi. Hoạt động này góp phần ổn định tình hình kinh tế, xã hội cho các địa phương ở nam Liên khu 4 trong những năm đầu hòa bình mới lập lại. Mặt khác, thông qua trao đổi kinh tế, mối quan hệ của nhân dân Bắc Nam vẫn được tiếp tục, góp phần thực hiện một trong những chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam đối với công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước là thiết lập và duy trì quan hệ bình thường giữa hai miền. Bài viết còn góp thêm những tư liệu để khóa lấp một mảng trống trong các nghiên cứu về lịch sử kinh tế Việt Nam sau năm 1954.

Từ khóa: Trao đổi kinh tế, miền Bắc, miền Nam, giới tuyến quân sự tạm thời.

Abstract: After the expiration of the 300-day period for troop regroupment under the Geneva Accords (21 July 1954), most relations between North and South Vietnam were severed. Nevertheless, in the area surrounding the temporary military demarcation line at the 17th parallel, economic exchanges between the populations of the two regions continued to take place quite actively, even after the general elections for national reunification scheduled for July 1956 were not carried out. These activities contributed to stabilizing the economic and social conditions of localities in the southern part of Interzone IV during the early years following the restoration of peace. At the same time, through economic exchange, relations between the peoples of the North and the South were maintained, thereby contributing to one of the major policies of the Vietnam Workers' Party in the struggle for national reunification: the establishment and preservation of normal relations between the two regions. The article also provides additional source materials that help fill a gap in studies on Vietnamese economic history after 1954.

Keywords: Economic exchange; North Vietnam; South Vietnam; temporary military demarcation line.

Ngày nhận bài: 21/9/2025; **Ngày phản biện:** 22/12/2025; **Ngày duyệt đăng:** 20/1/2026.

1. Đặt vấn đề

Với Hiệp định Genève (21-7-1954), Việt Nam tạm bị chia cắt thành hai miền, lấy sông Hiền Lương - Vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời trong thời hạn hai năm. Trong khi hầu hết các mối liên hệ giữa hai miền bị cắt đứt thì tại khu vực giới tuyến, do nhiều nguyên nhân nên việc trao đổi kinh tế giữa hai bên vẫn tiếp tục được duy trì và có đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế địa phương cũng như công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Tuy nhiên, vấn đề này còn chưa được giới sử học quan tâm nghiên cứu. Các công trình về lịch sử kinh tế đã

có chỉ dành dung lượng cực kì khiêm tốn khi đề cập tới vấn đề dưới góc độ thuần túy kinh tế mà chưa thấy mối liên hệ với công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên nguồn tài liệu khác nhau, đặc biệt là nguồn tài liệu lưu trữ, bài báo sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp lịch sử, phương pháp lô-gic, mô tả, tổng hợp, thống kê, so sánh, đánh giá, phân tích,... để tái hiện lại hoạt động trao đổi kinh tế giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam những năm 1954-1958. Thông qua nghiên cứu, bài viết rút ra một số

Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài NCKH cấp Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, mã số: T.25.NV.601.03.

*PGS.TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Email: hoangchihieu@dhsphue.edu.vn

nhận xét về kết quả đạt được của hoạt động này cũng như tình hình quan hệ giữa hai miền trong khoảng thời gian trên.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Sự hình thành trao đổi kinh tế giữa hai miền Nam - Bắc sau khi Hiệp định Genève được ký kết

3.1.1. Chủ trương thiết lập trao đổi kinh tế giữa hai miền của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Hiệp định Genève (21-7-1954) kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. Theo Hiệp định, nước Việt Nam tạm chia làm hai miền lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời trong thời gian hai năm trước khi tiến hành cuộc Tổng tuyển cử tái thống nhất đất nước vào tháng 7-1956. Thi hành Hiệp định, trong thời gian 300 ngày, hai bên thực hiện việc chuyển quân tập kết. Ở miền Bắc, quân đội Liên hiệp Pháp sẽ tập trung về Hải Phòng trước lúc rút toàn bộ vào miền Nam.

Sau một thập kỷ rưỡi chiến tranh (1939-1954) cũng như hậu quả lâu dài của chế độ thuộc địa cũ, nền kinh tế miền Bắc vốn phát triển, mất cân đối lại còn bị tàn phá nặng nề, cơ sở hạ tầng giao thông bị tàn phá, lưu thông hàng hóa giữa các vùng miền bị ách tắc. Thêm vào đó, cùng với cuộc di cư của gần một triệu người từ miền Bắc vào miền Nam, trong đó nhiều người có trình độ kỹ thuật cao, thực dân Pháp đã tháo dỡ, chuyển đi nhiều máy móc, phương tiện sản xuất,... càng gây thêm khó khăn chồng chất.

Trước tình hình đó, khôi phục kinh tế là nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu. Nghị quyết Bộ Chính trị về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng (9-1954) khẳng định: “Cần hết sức coi trọng công tác phục hồi công thương nghiệp làm cho các xí nghiệp công và tư hiện có được tiếp tục kinh doanh, làm cho thị trường hoạt động, vật giá ổn định, phục hồi và phát triển mậu dịch đối ngoại, duy trì và phát triển buôn bán giữa miền Nam và miền Bắc, giải quyết vấn đề tiền tệ một cách thỏa đáng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001a: 295). Tại kì họp thứ

4 (3-1955), Quốc hội đã thông qua nhiệm vụ “khôi phục và phát triển kinh tế được coi là nền tảng của toàn bộ công tác củng cố miền Bắc” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Văn phòng Quốc hội, 1994: 150).

Nhiệm vụ quan trọng không kém khôi phục kinh tế là việc thiết lập mối quan hệ bình thường giữa hai miền Bắc Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 29-1-1955 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ rõ: “Gây một cuộc vận động lập lại quan hệ giữa hai miền Bắc Nam giới tuyến quân sự tạm thời chính là một bước đầu của cuộc vận động thống nhất sau đình chiến. Về kinh tế thì đòi được buôn bán, kinh doanh giữa hai miền. Vì đây là những việc thiết thực đầu tiên quan hệ đến đời sống của nhân dân, của số đông người” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001b: 34-35).

Ngày 18-6-1956, trước tình hình gián đoạn quan hệ giữa hai miền do cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước không được chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 70, trong đó chỉ đạo: “Nên nhận định tính chất buôn bán giữa hai miền không phải hoàn toàn có tính chất ngoại thương, không phải hoàn toàn có tính chất kinh tế tài chính, trái lại, phải xem miền Bắc và miền Nam là hai bộ phận của một nước thống nhất, mặc dù có hai chính phủ, hai chế độ khác nhau, do đó phải có những chính sách và biện pháp thích đáng nhằm duy trì khuyến khích và phát triển trao đổi buôn bán giữa hai miền. Việc buôn bán giữa hai miền hiện nay nên nặng về kết quả chính trị hơn là kinh tế, nhưng phải có quản lý, nhằm phục vụ nền kinh tế chung và cũng phải nhằm chiếu cố miền Nam. Về cụ thể: Tranh thủ buôn bán quy mô: (ta mua gạo, cao su,...; ta bán ximăng, than đá,...). Buôn bán nhỏ cũng phải đẩy mạnh, cố gắng mua cho thương nhân miền Nam. Phải giải quyết vấn đề giá cả, thuế khoá,... cho hợp với đường lối trên” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001b: 214).

Như vậy, đặt trong bối cảnh tình hình lúc bấy giờ, nhiệm vụ củng cố miền Bắc xã hội chủ nghĩa, buôn bán, trao đổi hàng hóa với miền Nam không chỉ đơn thuần là vấn đề kinh tế mà

còn mang ý nghĩa chính trị sâu sắc. Thực tế lúc này, việc trao đổi kinh tế giữa hai miền chỉ có thể thực hiện ở Hải Phòng và đặc biệt là tại Vĩnh Linh, nơi có con sông Hiền Lương - vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời.

Với quy định của Hiệp định Genève, từ ngày 25-8-1954, phần lớn huyện Vĩnh Linh thuộc tỉnh Quảng Trị nằm phía Bắc sông Hiền Lương được giải phóng, trong khi xã Vĩnh Liêm và 4 thôn của xã Vĩnh Sơn ở phía Nam còn nằm dưới sự quản lý của Quân đội Liên hiệp Pháp (từ ngày 26-8-1954, Ủy viên Chính phủ tại Trung Việt ra Nghị định số 1908-NĐ-PC lập quận Trung Lương gồm 11 thôn của xã Vĩnh Liêm và 4 thôn của xã Vĩnh Sơn cộng thêm làng An Xá và An Lộc của Gio Linh). Như vậy, với việc vạch giới tuyến quân sự tạm thời tại vĩ tuyến 17, không chỉ đất nước bị chia đôi, tỉnh Quảng Trị bị chia cắt mà ngay cả một huyện là Vĩnh Linh, thậm chí đến một xã (Vĩnh Sơn) cũng bị chia hai (Hoàng Chí Hiếu, 2024: 51).

Sau ngày 16-5-1955, khi quân Pháp hoàn toàn rút khỏi miền Bắc thì Vĩnh Linh là cửa ngõ duy nhất để đi lại, giao lưu buôn bán, trao đổi tin tức giữa hai miền. “Đó là đầu cầu trọng yếu, nó giữ các đầu mối giao thông liên lạc, giữ những mối quan hệ Bắc Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001b: 655, 673). Từ phần lớn một huyện được giải phóng, ngày 16-6-1955, Vĩnh Linh được Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 551-TTg tổ chức thành một đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương: “Khu vực Vĩnh Linh thuộc tỉnh Quảng Trị, từ nay được tổ chức thành một đơn vị hành chính riêng, ngang với một tỉnh (Điều 1). Tạm thời đặt Khu vực Vĩnh Linh dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ Trung ương” (Thủ tướng Chính phủ, 1955). Nhiệm vụ quan trọng của Vĩnh Linh là “giữ vững và phát triển quan hệ Bắc Nam, góp phần đấu tranh cho thống nhất đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1955b: 775), trong đó trao đổi kinh tế qua giới tuyến quân sự tạm thời không chỉ là sự duy trì các quan hệ đã có mà còn nâng lên tầm cao mới.

3.1.2. Thiết lập những cơ sở phục vụ trao đổi kinh tế ở Bắc giới tuyến

Khu vực hai bên giới tuyến trước ngày 21-7-1954 có mạng lưới buôn bán khá mật thiết, với nhiều chợ truyền thống, như ở phía Bắc có chợ Huyện (ở trung tâm huyện lỵ Vĩnh Linh, nằm bên bờ sông đào Hồ Xá, nối với sông Hiền Lương qua nhánh sông Sa Lung), chợ Do (gần Cửa Tùng, nơi sông Hiền Lương đổ ra Biển Đông); ở phía Nam có chợ Nam Đông, chợ Cầu và đặc biệt là chợ Bạ (xã Vĩnh Liêm)¹. Nếu như các chợ trên nằm hoàn toàn trong vùng tạm chiếm thì chợ Bạ nằm ở vùng giáp ranh, nơi đầu mối buôn bán từ Đông Hà, Huế với vùng du kích và chiến khu ở Vĩnh Linh.

Theo tuyến đường biển, thương nhân có thể dùng thuyền có trọng tải nhỏ đi từ Cửa Việt (Quảng Trị), Thuận An (Thừa Thiên Huế) và Đà Nẵng ra Cửa Tùng và Vịnh Mốc. Từ sau ngày 20-7-1955, để rút ngắn khoảng cách cho thương nhân từ miền Nam ra và thuận lợi cho việc chuyên chở hàng hóa lên xuống chợ Huyện thông qua tuyến đường Cặp Lài nối Hồ Xá – Cửa Tùng vừa xây dựng xong, địa điểm Mũi Si (nằm ngay phía Bắc bãi tắm Cửa Tùng) được lựa chọn để thay thế cho Vịnh Mốc. Mũi Si trở thành điểm trung chuyển quan trọng giữa hai miền. Thương nhân từ Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh vào Mũi Si bán hàng và mua hàng từ đây đưa ngược ra các địa phương phía Bắc.

Cùng với sự thành lập Khu vực Vĩnh Linh, các ban, ngành tương đương cấp Ty (Sở) cũng được ra đời, phụ trách việc trao đổi kinh tế với miền Nam, trong đó Ban Kinh tế là cơ quan quan trọng với nhiều bộ phận. Ban Kinh tế Trung ương xác định: “Ban Kinh tế Vĩnh Linh tổ chức

¹. Một khúc ru con ở địa phương phản ánh mối quan hệ buôn bán mật thiết giữa nhân dân đôi bờ giới tuyến: “Ru em em théc cho muối/Đề mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu/Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu/Mua cau Cẩm Phô, mua trầu chợ Do”. (Chợ Quán Ngang, chợ Cầu và chợ Cẩm Phô ở bờ Nam sông Hiền Lương thuộc huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; chợ Do nằm ở phía Bắc sông Hiền Lương thuộc huyện Vĩnh Linh).

như cấp tỉnh, thành phần tham gia tùy tính chất quan trọng của các ngành mà quy định.

Phòng quản lý xuất nhập khẩu: Tạm thời do Phòng Hải quan của Liên khu 4 tại Vĩnh Linh kiêm nhiệm), có trách nhiệm lãnh đạo Phòng Hải quan, Tổ giao dịch Bắc Nam của mậu dịch xuất nhập khẩu ở Vĩnh Linh về kế hoạch quản lý xuất nhập khẩu, lãnh đạo trao đổi mua bán giữa hai miền. Phối hợp chặt chẽ với Phòng Đại lý ngoại hối trong việc quản lý tiền tệ, sử dụng ngoại hối.

Tổ giao dịch Bắc Nam: Một bộ phận của Ban giao dịch Bắc Nam của Mậu dịch xuất nhập khẩu Liên khu 4, có nhiệm vụ trao đổi trực tiếp hướng dẫn mua bán, liên hệ chặt chẽ với các ngành Mậu dịch nội địa tại Quảng Bình (hay Vĩnh Linh nếu có) để giới thiệu thương nhân mua hàng xuất, bán hàng nhập, ký kết hợp đồng thực hiện kế hoạch kinh doanh theo sự chỉ đạo của Ban giao dịch Bắc Nam của Mậu dịch xuất nhập khẩu Liên khu 4 và Phòng Quản lý xuất nhập khẩu Vĩnh Linh.

Phòng Hải quan: Trực thuộc Phân sở Hải quan Liên khu 4 và chịu sự chỉ đạo của Phòng Quản lý xuất nhập khẩu Vĩnh Linh (về mặt thực hiện chủ trương, chính sách quản lý giữa hai miền).

Phòng Đại lý ngoại hối: Trực thuộc của Sở quản lý ngoại hối Trung ương (Ban Kinh tế Trung ương, 1955).

Tổ Vĩnh Linh thuộc Phòng Giao dịch Bắc Nam có 17 người, chia thành 3 bộ phận: Bộ phận Vĩnh Linh có 10 người; bộ phận Vĩnh Mốc có 4 người; bộ phận Tùng Luật có 3 người” (Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh, 1955b).

Thực hiện chủ trương chung, các ban, ngành và bộ phận trên đây ngay khi thành lập đã tích cực bắt tay vào việc, góp phần quan trọng thúc đẩy hoạt động giao thương giữa hai miền.

3.1.3. Việc đi lại giữa hai miền

Vấn đề buôn bán giữa hai miền phụ thuộc vào việc đi lại của nhân dân sau Hiệp định Genève. Theo quy định, trong thời hạn 300 ngày chuyển quân tập kết, nhân dân được tự do qua lại giới tuyến thông qua cầu Hiền Lương và 9 cặp bến đò nổi đôi bờ sông. Giai đoạn đầu, từ

tháng 8-1954 đến tháng 8-1955, do di cư và tập kết, có ngày qua lại giới tuyến trên 300 người, có tháng từ Nam ra trên 5.000 người, từ Bắc vào trên 3.000 người. Tuy nhiên, nằm trong chủ trương chung của chính quyền Ngô Đình Diệm về việc hạn chế, tiến tới cắt đứt quan hệ giữa hai miền, từ khi kiểm soát giới tuyến (21-2-1955), chính quyền quân Trung Lương thực hiện gắt gao, đi đến hạn chế dần việc đi lại của nhân dân. Do vậy, từ tháng 7-1955, nhân dân qua lại mỗi ngày, kể cả hợp pháp lẫn bất hợp pháp, trung bình còn 30 người, trong đó hợp pháp chỉ có 10 người (giảm hơn 2/3 so với trước) (Hoàng Chí Hiếu, 2024: 57). Từ cuối tháng 9 sang tháng 10-1955, chuẩn bị cho cuộc “*trung cầu dân ý*” (23-10), chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cường công tác kiểm soát. Từ ngày 20-9-1955, những người ở Khu phi quân sự Bắc có giấy thông hành đặc biệt qua buôn bán ở chợ Bạ (Trung Hải) đều bị cảnh sát giữ lại hoặc đuổi về với lý do giấy đó do đại diện Quân đội Nhân dân Việt Nam và Quân đội Liên hiệp Pháp ký, buộc những người này muốn qua lại giới tuyến phải có giấy thông hành do Quận trưởng Trung Lương cấp và giấy đó phải có dán ảnh (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1955b). Cảnh sát Sài Gòn viết những khẩu hiệu như “Bài trừ buôn lậu, diệt Việt Minh cộng sản”, “Bài trừ buôn lậu tức nhiên đã đánh bại kinh tế Việt Cộng” vào một số vải, giấy, hàng hóa của thương nhân miền Nam trước khi cho đưa ra Vĩnh Linh (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1955a), nhằm để khi ta tịch thu những mặt hàng này, đối phương có cơ vu cáo miền Bắc.

Không dừng lại ở đó, nhằm hạn chế trao đổi kinh tế giữa hai miền, đối phương tìm cách triệt tiêu đầu mối buôn bán ở chợ Bạ. Đầu tiên, chúng thành lập chợ Võ Xá nằm sát Quốc lộ 1 nhằm kiểm soát những người đến buôn bán bởi sau lưng chợ có đồn cảnh sát Võ Xá và các lực lượng ở quận lỵ Trung Lương kề cận. Để thu hút quần chúng, quận trưởng Trung Lương tuyên truyền hể người nào đến chợ Võ Xá làm

quán buôn bán sẽ được chính quyền hỗ trợ như cung cấp vật liệu làm quán và miễn thuế môn bài trong 3 tháng đầu (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh. (1955a). Tuy nhiên, âm mưu trên không thực hiện được vì nhân dân vẫn tụ hội buôn bán ở chợ Bạ. Nhằm cưỡng bách nhân dân phải lên họp chợ ở Võ Xá, chính quyền quận Trung Lương quyết tâm phá chợ Bạ. Ngày 23-8-1955 (cũng là ngày kỉ niệm 10 năm Cách mạng tháng Tám ở Quảng Trị), trong lúc chợ đang đông người, quận trưởng Trung Lương huy động 130 lính chặn tất cả các ngã đường vào chợ và bắt đi nhiều người. Tuy vậy phải sự phản đối quyết liệt của quần chúng và sự can thiệp của Phái đoàn liên lạc của Bộ Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hợp Khu phi quân sự nhưng âm mưu triệt phá chợ Bạ của đối phương vẫn thực hiện thành công. Đầu mỗi buôn bán ở bờ Nam bị xóa bỏ. Chính vì vậy, sang năm 1956, việc đi lại giữa hai miền của nhân dân càng khó khăn hơn, “nhất là từ tháng 4 đến tháng 10-1956, riêng về đường bộ, sự đi lại làm ăn, thăm viếng của nhân dân 2 bên bờ sông giới tuyến bị bế tắc, số hàng hoá xuất nhập xuống mức tối thiểu, số thương nhân qua lại cuối 1955 có trên 1.000 người, nửa sau năm 1956 chỉ có 50 người còn trao đổi” (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1957).

Tất cả số người qua lại theo thống kê trên đây là hợp pháp, tức là có giấy thông hành do Ban Liên hợp Khu phi quân sự cấp. Thành phần người qua lại giới tuyến khá đa dạng: tập kết, đi thăm thân nhân, ra chữa bệnh, tham quan,... trong đó số lượt người buôn bán chiếm tỉ lệ đáng kể. Chẳng hạn theo thống kê năm 1956 (chủ yếu là nửa đầu năm), trong số 3.390 người từ Nam ra, bên cạnh phần lớn là người tập kết, còn có tới 481 người ra buôn bán. Trong khi đó, từ Bắc vào chủ yếu là buôn bán, có tới 354 trên tổng số 568 người, chưa kể có 25 thương nhân từ Hà Nội và các tỉnh phía Bắc (Ủy ban Hành chính Khu vực Vĩnh Linh, 1956).

Không chỉ cản trở việc đi lại của nhân dân, đối với Vĩnh Linh, chính quyền Ngô Đình Diệm tung gián điệp ra dưới nhiều hình thức, như: lợi dụng đi lại thăm viếng, buôn bán giữa hai miền hoặc giả ốm đau ra Vĩnh Linh trị bệnh hoặc cài vào những người trốn ra nhằm tránh bị đối phương khủng bố,... Mặt khác, một số thương nhân ở Vĩnh Sơn, Vĩnh Giang hoặc từ Hà Nội vào buôn bán bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam, mua chuộc và sau khi huấn luyện tung ngược trở ra. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1956, trong 167 người từ Nam ra, Vĩnh Linh phát hiện được trên 50 người nghi vấn và 12 tên gián điệp (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1956).

Sau nửa cuối năm 1956 việc qua lại giới tuyến bị bế tắc, sang năm 1957, nhằm nắm bắt thông tin về Vĩnh Linh và rộng ra là miền Bắc sau cải cách ruộng đất, chính quyền Sài Gòn nổi lại việc cho phép nhân dân, đặc biệt là thương nhân được qua lại giới tuyến. Ba tháng đầu năm 1957, có 103 chuyến thuyền ra Mũi Si để buôn bán. Giá trị hàng xuất nhập đạt 496.589.000 đồng, tăng gấp 5 lần so với 6 tháng đầu năm 1956 (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vĩnh Linh, 2020: 218-219). Tổng cộng, năm 1957 có tới 3.243 lượt người từ Nam ra, trong đó chủ yếu là người theo thuyền buôn từ Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng ra Mũi Si (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1958). Tuy nhiên, sang năm 1958, trước đề nghị của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc tái lập quan hệ bình thường giữa hai miền, trong đó có việc mở rộng chế độ trao đổi bưu thiếp và buôn bán, ngày 26-4-1958, chính quyền Sài Gòn ra Tuyên cáo bác bỏ (Lưu Văn Lợi, 1998: 229-230). Từ đây, việc đi lại của nhân dân giữa hai miền dần bị thu hẹp và tiếp tục rơi vào tình trạng bế tắc. “Trong năm 1958, tổng số người trong Nam ra Bắc là 457 người, trong đó gồm có hai loại: Vượt tuyến hoặc địch tung ra có 282 người, ra có quyết nghị 175 người. So sánh với năm 1957 thì năm 1958 ít thua 2.786 người. Tóm lại, tình hình đi lại vẫn nằm trong

tình trạng bế tắc, nhất là từ tháng 9 đến nay. Việc vượt tuyến ra Bắc thăm viếng thân rồi trở vào lại như mọi năm thì năm nay tuyệt đối không có” (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1958). Song hành là việc buôn bán, trao đổi kinh tế Bắc Nam cũng đình trệ.

3.2. Tình hình trao đổi kinh tế giữa hai miền những năm 1955-1958

3.2.1. Những mặt hàng trao đổi

Đặt trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ cũng như thực tế sản xuất, tiêu dùng của các địa phương mà số lượng mặt hàng trao đổi giữa hai bên không được đa dạng. Miền Bắc xuất khẩu chủ yếu là lương thực, thực phẩm, sản phẩm chăn nuôi và một số mặt hàng thủ công đơn giản và nhập khẩu từ miền Nam những hàng công nghệ phẩm, đặc biệt là nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Chẳng hạn, nửa sau tháng 10-1955, xuất nhập qua giới tuyến có những mặt hàng sau đây: Hàng nhập khẩu từ chợ Bạ và Đông Hà gồm: Gạo ruộng, dầu hỏa, dầu dừa, xà phòng giặt, đường bánh, đường cát, sợi các loại, sữa, vải diêm bầu, vải phin trắng, vải toa-do-len, vải ka-ky Mỹ, vải tô-bo-lin, ny-lông, chì trái, đá lửa, sấm lốp xe đạp. Qua tháng 11, số mặt hàng phóng phú hơn như có thêm máy lửa, dầu Nhị thiên đường, sấm lốp ô tô, xe đạp Peugeot, giấy quỳ (Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh, 1955c). Bên cạnh các mặt hàng tiêu dùng, Vĩnh Linh còn nhập một số công cụ sản xuất như lưỡi cày, chày, lưỡi, ... Hàng xuất khẩu của Vĩnh Linh ban đầu chỉ có các mặt hàng nông sản và chăn nuôi tại địa phương như mè trắng (vùng), dầu xanh, lạc nhân, hành muối, trứng vịt, thịt bò, thịt lợn, gà con, ... sau có thêm các mặt hàng thủ công từ Quảng Bình, Nghệ An vào như nón lá, thúng, chum vại sành, rá vo gạo, chén vành xanh (Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh, 1955c).

Đối với chính quyền Sài Gòn, từ sau tháng 7-1956, bên cạnh các loại hàng phổ biến trước đó, một số mặt hàng mới mà đối phương quan tâm tuy số lượng không lớn là các loại sách báo của miền Bắc nhằm nắm bắt chủ trương mới của ta,

tư tưởng của đồng bào miền Nam tập kết khi không có Tổng tuyển cử và một số mặt hàng có xuất xứ từ các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Trung Quốc như ca đựng nước, khăn, màn, giày, áo 4 túi, ... (Ty Công an Vĩnh Linh, 1956).

Đối với Vĩnh Linh, một mặt hàng đặc biệt được ưu tiên thu mua là đồng tiền Đông Dương. Theo Thễ lệ tạm thời về quản lý ngoại hối của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 6-10-1954, trên lãnh thổ miền Bắc chỉ thừa nhận một đồng tiền chính thức là tiền do Ngân hàng Quốc gia Việt Nam phát hành. Tuy nhiên, do thời hạn 300 ngày để chuyển giao vùng tập kết nên ở những vùng quân đội Pháp còn tạm chiếm, giấy bạc Đông Dương vẫn tạm thời được sử dụng. Bởi lúc này, nhu cầu nhập khẩu máy móc, nguyên nhiên liệu, ... chuẩn bị cho phục hồi kinh tế ở miền Bắc hoặc nhập gạo từ miền Nam ra qua cảng Hải Phòng là rất lớn và các giao dịch này được thanh toán bằng đồng Đông Dương. Do vậy, nhà nước cần phải nắm được trong tay một số lượng lớn đồng tiền này. Tỷ giá đồng Đông Dương so với đồng bạc Việt Nam dao động tùy thời điểm. Cuối năm 1954, tỷ giá quy đổi giữa hai đồng tiền là 1 đồng Đông Dương ăn 30 đồng Việt Nam (Phạm Minh Chính, 2009: 66-67). Tuy nhiên, mức độ trượt giá đồng Đông Dương sẽ tăng lên theo đà rút quân của Pháp và thái độ của chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam. Chẳng hạn, trong vòng 20 ngày (21-7 đến 10-8-1955), khi cuộc hiệp thương để tổ chức tổng tuyển cử tái thống nhất đất nước không được chính quyền Sài Gòn thực hiện thì tỷ giá này thay đổi, từ 1 đồng Đông Dương đổi được 55 hoặc 56 đồng Việt Nam xuống còn 51 đồng, đến ngày 10-8 chỉ còn 50 đồng (Ban Thư ký Nội chính Ủy ban Hành chính Liên khu 4, 1955). Do đó, để khuyến khích thương nhân miền Nam đưa đồng Đông Dương ra bán, ngân hàng nhà nước đưa ra mức mua bán cao hơn giá thị trường chợ đen. Cụ thể, giá chợ đen của 1 đồng Đông Dương là 43 đồng Việt Nam, trong khi mức này của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam thực hiện tại khu vực

giới tuyến là 52 đồng mua vào và 57 đồng ở chiều bán ra (Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh, 1955d). Bên cạnh mục đích tập trung nguồn tiền như đã nói trên, việc mua bán giá cao đồng Đông Dương còn nhằm làm cho người dân không tích trữ hoặc sử dụng đồng tiền này trong buôn bán mà chuyển sang dùng đồng Việt Nam, đồng thời nâng cao tinh thần dân tộc, khẳng định giá trị đồng Việt Nam ở thời điểm chính quyền Sài Gòn phát hành giấy bạc mới sau ngày trưng cầu dân ý (23-10-1955).

3.2.2. Tình hình giá cả

Tổng cộng qua 4 năm, kim ngạch trao đổi giữa hai miền đạt được như bảng 1 (Phạm Minh Chính, 2009: 68).

Bảng 1: Tổng kim ngạch xuất-nhập khẩu hai miền Nam - Bắc

DVT: triệu đồng

Năm	Tổng xuất - nhập	Miền Bắc xuất	Miền Bắc nhập
1955	4.216	2.047,4	2.168,6
1956	667	327,5	339,5
1957	1.340	583,1	756,9
1958	217	98,2	118,8

Nhằm khuyến khích buôn bán giữa hai miền và đặc biệt là thể hiện nền thống nhất quốc gia, Điều lệ tạm thời số 513/TTg của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 16-4-1955 “Về việc buôn bán giữa miền Bắc và miền Nam nước Việt Nam” quy định: “Tất cả các loại hàng sản xuất ở miền Bắc hay miền Nam đều được trao đổi buôn bán mà không phải đóng thuế xuất nhập khẩu” (Phạm Minh Chính, 2009: 66). Nhìn chung, trong thời gian đầu do khoảng cách đi lại khá gần và chính sách miễn thuế của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nên mức độ chênh lệch giá cả giữa hai vùng không đáng kể. Tuy nhiên, từ khi chính quyền miền Nam hạn chế việc qua lại giới tuyến, nhất là từ cuối năm 1955 trở đi thì giá cả nhiều mặt hàng biến động, tăng 10-15%, thậm chí gấp 2-3 lần, như xà phòng từ 30 đồng/1 bánh lên 70 đồng, dầu dừa từ 70 đồng/1

lít lên 140 đồng... (Ban Thư ký Nội chính Ủy ban Hành chính Liên khu 4, 1955).

Sau đây là bảng giá so sánh một số mặt hàng giữa chợ Bận (phía Nam) và chợ Huyện (phía Bắc) cuối tháng 11-1955 (Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh, 1955d) (xem bảng 2).

Bảng 2: Bảng giá một số mặt hàng tại chợ Bận và chợ Huyện

Tên hàng	Đơn vị	Chợ Bận	Chợ Huyện
Gạo ruộng trắng	Kg	12 đồng Đông Dương (D.z)	500 đồng
Thịt lợn mông	Kg	50 D.z	1.900 đồng
Thịt bò bắp	Kg	40 D.z	1.600 đồng
Muối	Kg	4 D.z	200 đồng
Hàng bách hóa			
Sữa bò	Hộp	40 D.z	3.000 đồng
Sợi cánh hồng	Cuộn	650 D.z	38.000 đồng
Vải diêm bầu tốt	Mét	30 D.z	1.700 đồng
Vải phin trắng	Mét	30 D.z	2.000 đồng
Đá lửa	100 viên	40 D.z	2.500 đồng
Giấy quyền	85 tờ	400 D.z	23.000 đồng

Tỉ giá trên đây cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa hai vùng. Chẳng hạn, ở chợ Bận giá gạo trắng là 12 đồng Đông Dương thì ở chợ Huyện là 500 đồng Việt Nam. Nếu theo tỉ giá ngân hàng mua vào lúc này là 52 đồng Việt Nam/1 đồng Đông Dương thì giá gạo ở chợ Huyện thấp hơn nhiều. Tương tự là giá của những mặt hàng lương thực hay thực phẩm khác. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, do sự bế tắc nguồn hàng nên những mặt hàng công nghệ phẩm ở chợ Huyện lại có giá cao hơn ở chợ Bận nhiều. Chẳng hạn, giá 1 lon sữa bò ở chợ Bận là 40 đồng Đông Dương trong khi ở chợ Huyện là 3.000 đồng Việt Nam.

Mặt khác, những mặt hàng trao đổi hai chiều trên đây không cố định mà có sự thay đổi theo thời gian. Chẳng hạn, từ cuối năm 1954 đến

cuối năm 1955, Vĩnh Linh phải nhập gạo từ Quảng Trị và Thừa Thiên ra nhưng năm 1956 thì ngược lại, thương nhân từ Nam giới tuyến ra Vĩnh Linh mua gạo khá đông, khiến giá gạo bị đẩy lên khá cao, từ 20-22% (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1958). Nguyên nhân là nhờ kết quả của cuộc cải cách ruộng đất đã giúp năng suất và sản lượng lúa gạo ở Vĩnh Linh tăng lên trong khi ở miền Nam, việc chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện “cải cách điền địa” và nhất là “xáo cấp” ruộng đất ở Quảng Trị, Thừa Thiên khiến sản xuất sa sút. Tương tự, ở thời gian đầu, Vĩnh Linh chủ yếu xuất lương thực, thực phẩm và nhập hàng công nghệ phẩm thì từ năm 1956, ở chiều xuất đi đã có một số mặt hàng công nghiệp của Trung Quốc và các nước Đông Âu. Điều này phản ánh một thực tế rằng, chỉ sau một thời gian rất ngắn của công cuộc khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh, ở Vĩnh Linh sản xuất nông nghiệp cơ bản đã hoàn thành mục tiêu đề ra và có sự phát triển trội hơn so với bên kia giới tuyến. Hệ thống giao thông kết nối từ Vĩnh Linh đi các tỉnh phía Bắc đã được phục hồi, một số mặt hàng công nghệ của các nước xã hội chủ nghĩa đã đến được khu vực giới tuyến để dần thay thế hàng nhập từ phía Nam. Đây là cơ sở để Vĩnh Linh tiếp tục được Trung ương đầu tư, xây dựng thành “nơi tiêu biểu nhất” của chế độ Dân chủ Cộng hòa, có tác động tích cực đến công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

4. Kết luận

Một là, trao đổi kinh tế giữa hai miền sau tháng 7-1954 diễn ra trong bối cảnh khó khăn và phức tạp.

Sau nhiều năm chiến tranh, sản xuất bị đình đốn, cơ sở hạ tầng, giao thông bị tàn phá, lưu thông hàng hóa gặp trở ngại. Đối với các địa phương thuộc Liên khu 4, khó khăn này càng lớn hơn bởi trong chiến tranh, Bình - Trị - Thiên là chiến trường ác liệt và để phục vụ cho cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, nhân dân các tỉnh vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh đã dốc toàn lực, thậm chí là vết đến hạt thóc cuối cùng, khiến nguồn lực hàng

hóa, lương thực phẩm gần như cạn kiệt (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, 2010: 10). Việc đất nước tạm chia thành hai miền, với những quy định qua lại giới tuyến quân sự tạm thời khá chặt chẽ nên hạn chế phần nào đến hoạt động của thương nhân. Đặt trong xu thế đối đầu Đông - Tây thời điểm đó, việc giao lưu, buôn bán giữa hai chế độ chính trị - xã hội đối nghịch là vấn đề hầu như không thể. Ở miền Bắc, công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh gắn liền với việc cải tạo quan hệ sản xuất, thu hẹp hoạt động của bộ phận tư thương nên ít nhiều ảnh hưởng. Khó khăn lớn nhất đến từ chính quyền Ngô Đình Diệm, dưới sự hậu thuẫn của Mỹ ở miền Nam khi không muốn có mối quan hệ giữa hai miền. Ưu tiên chính lúc này của Ngô Đình Diệm là củng cố chế độ, loại trừ các lực lượng đối lập, đặc biệt là lực lượng cách mạng. Chính sách “đả thực, bài phong, diệt Cộng” của Ngô Đình Diệm này gây nên những diễn biến phức tạp ở miền Nam. Đặc biệt, sự kìm kẹp, khủng bố, nhất là vào những thời điểm như phải tiến hành hiệp thương với miền Bắc (20-7-1955), “trung cầu dân ý” (23-10-1955), tổng tuyển cử tái thống nhất đất nước (7-1956),... bộ máy kìm kẹp ở quận Trung Lương ráo riết hoạt động, ngăn cấm việc đi lại, làm ăn của nhân dân khiến việc qua lại giới tuyến hầu như bế tắc. Những âm mưu chống phá cách mạng miền Bắc ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động bình thường của những thương nhân chân chính. Chính những âm mưu và hành động đó đã dần thu hẹp và đi đến chấm dứt trao đổi kinh tế giữa hai miền từ năm 1958 mà trên thực tế nhu cầu và dư địa phát triển là khá lớn.

Hai là, trao đổi kinh tế qua giới tuyến quân sự tạm thời là một trong những hình thức nhằm duy trì quan hệ giữa hai miền, góp phần vào công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước sau Hiệp định Genève 1954.

Nhất quán quan điểm “nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”, giới tuyến quân sự tạm thời tại vĩ tuyến 17 chỉ có tính chất tạm

thời, không được coi là biên giới chính trị như Hiệp định Genève đã quy định, Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sớm ban hành các văn bản về việc thực hiện đấu tranh thống nhất đất nước, trong đó trao đổi kinh tế giữa hai miền là một nội dung quan trọng. Để khuyến khích mở rộng buôn bán giữa hai miền, chính sách miễn thuế xuất nhập khẩu là một biện pháp cần thiết, đồng thời thể hiện việc trao đổi kinh tế này thuần túy là vấn đề nội thương trong một quốc gia thống nhất. Đối với vị trí tuyến đầu miền Bắc, Chính phủ đã cho thành lập ở Vĩnh Linh những bộ phận liên quan để đảm bảo hỗ trợ tối đa cho nhiệm vụ này. Trong tổng thể các mối quan hệ giữa hai miền sau thời hạn 300 ngày chuyển quân tập kết, tại giới tuyến quân sự tạm thời vẫn duy trì được các hoạt động như đi lại của nhân dân và buôn bán, thiết lập chế độ trao đổi bưu thiếp qua cầu Hiền Lương, kiểm soát liên hợp ở Cửa Tùng. Do đó, dù chính quyền Ngô Đình Diệm từ chối hiệp thương tổng tuyển cử tái thống nhất đất nước vào tháng 7-1956 nhưng về cơ bản trao đổi kinh tế qua giới tuyến quân sự tạm thời vẫn tiếp tục duy trì, qua đó góp phần giữ được quan hệ giữa hai miền thêm một khoảng thời gian nhất định.

Ba là, trao đổi kinh tế ở khu vực giới tuyến đã đáp ứng phần nào nhu cầu lưu thông hàng hóa giữa nhân dân hai miền.

Xuất phát từ yêu cầu khôi phục kinh tế và xa hơn là phục vụ công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, dựa trên các mối quan hệ đã có, nhu cầu trao đổi kinh tế giữa hai miền qua giới tuyến quân sự tạm thời là khá lớn. Thời gian đầu, trao đổi kinh tế mới dừng lại ở chủ yếu việc tiêu thụ các mặt hàng sản xuất tại chỗ của Vĩnh Linh, Quảng Bình và mặt hàng công nghệ phẩm từ vùng tạm chiếm. So sánh số lượng mặt hàng thì ở phía Nam hàng hóa ngoại nhập phong phú hơn, trực tiếp phục vụ đời sống và sản xuất ở Vĩnh Linh và xa hơn là cho các địa phương ở phía Bắc. Chợ Huyện ở huyện lỵ Vĩnh Linh trở thành trung tâm mua bán lớn, như nhận xét của đối phương: “Chợ Vĩnh Linh buôn bán các loại hàng ngoại hóa cần thiết như thuốc men, phụ tùng xe đạp, lốp xe hơi, dầu hỏa... do thương nhân ở

Thừa Thiên, Quảng Trị đưa sang bán” (Nguyễn Chữ, 1955). Trong điều kiện chiến tranh vừa kết thúc, hàng hóa sản xuất trong nước cũng như từ các nước xã hội chủ nghĩa chưa đến được Vĩnh Linh thì việc phụ thuộc vào thị trường hàng hóa từ phía Nam ra là một thực tế, “như sợi, xà phòng, đá lửa, sữa bò, vải diêm bầu thì hàng hoàn toàn chợ Huyện không có, lí do cũng ảnh hưởng chợ Bạ, nếu chợ Bạ có thì chợ Huyện cũng có, nếu chợ Bạ không có thì thị trường chợ Huyện cũng không có” (Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh, 1955a). Tuy nhiên, tình hình này nhanh chóng có sự thay đổi, khi từ nửa sau năm 1956, không những không còn nhập lương thực mà Vĩnh Linh còn xuất ngược trở lại cho các địa phương ở Nam giới tuyến cũng như bán những mặt hàng từ Trung Quốc và Đông Âu. Vĩnh Linh trở thành đầu mối giao lưu kinh tế không những giữa hai miền mà còn của hai phe trong thời kì Chiến tranh Lạnh.

Bốn là, quy mô trao đổi kinh tế giữa hai miền không lớn.

Tính tổng thể, kim ngạch xuất nhập khẩu qua giới tuyến chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ trong nền thương nghiệp Việt Nam lúc bấy giờ². Thực tế này do sản xuất của các địa phương hai bên giới tuyến khá nhỏ bé, lại còn bị tàn phá bởi chiến tranh. Cơ sở hạ tầng phục vụ buôn bán hạn chế. Từ đầu mỗi chợ Bạ ở phía Nam và chợ Huyện ở phía Bắc chỉ có lưu thông với nhau bằng thuyền nhẹ. Trong khi đó, Cửa Tùng là cửa biển nhỏ, Mũi Si (trước đó là Vịnh Mốc) là thuộc vùng bãi ngang không phù hợp với những tàu thuyền có trọng tải lớn. Do đó, lượng hàng của mỗi thương nhân là không nhiều. Quy mô vốn hóa của thương nhân ở Vĩnh Linh cũng hạn chế và cộng với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, số tư thương giảm dần. Cuối năm 1957, toàn

². Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1955 là 72.863.000 Rúp (theo tỉ giá trước đổi tiền 1959, 1 Rúp bằng 735 đồng Việt Nam thì tương đương 53.554.305.000 đồng); năm 1957: 127.333.000 Rúp (tương đương 93.589.755.000 đồng). (Đặng Phong, 2005: 473, 510). Trong khi đó, kim ngạch buôn bán giữa hai miền năm 1955 (kể cả qua cảng Hải Phòng): 4.216.000.000 đồng (chiếm 7,87%) và năm 1957 (chỉ qua giới tuyến) sụt còn 1.340.000.000 đồng (chiếm 1,43%).

Vĩnh Linh có 289 hộ kinh doanh thương nghiệp với tổng số vốn là 143.675.000đ (tức trung bình chưa đến 500.000đ/1 hộ); năm 1958 còn 213 hộ (giảm gần 26%) với tổng vốn là 130.980.000 đồng (Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh, 1958). Nguyên nhân lớn nhất đến từ chính sách của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ưu tiên chính trong tái thiết nền kinh tế miền Nam là dựa vào viện trợ Mỹ và buôn bán với các nước đồng minh Mỹ. Trong tổng số tiền “viện trợ” của Mỹ dành cho miền Nam từ năm 1955 đến năm 1960 là khoảng 2 tỉ đôla thì 3/4 là hàng hóa. Miền Nam trở thành hình mẫu để tuyên truyền cho cái gọi là sự phồn thịnh của “thế giới tự do” cũng như ngăn chặn ảnh hưởng của miền Bắc. Ở phạm vi hẹp hơn, nhằm hạn chế buôn bán giữa hai miền, chính quyền Sài Gòn chủ trương triệt hạ bộ phận thương nhân có quan hệ với miền Bắc: “Công an nên theo dõi để khám phá kịp thời bọn con buôn tay trong cho Việt Cộng ở các thành phố Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng và ven biển: Tam Quan, Tam Áp (Tam Kỳ, Quảng Nam), Cẩm Phô (Hội An), khu Đông (Đà Nẵng),... hiện đang xuất hàng cần thiết bán cho Việt Minh” (39). Con số kim ngạch giữa hai miền năm 1956 chỉ còn 14,4% so với năm 1955 (607 triệu đồng/4.216 triệu đồng) hoặc năm 1958 chỉ còn 16,2% so với năm 1957 (217 triệu đồng/1.340 triệu đồng) đã minh chứng rõ ràng nhất. Và đến khi chính quyền Sài Gòn chấm dứt việc đi lại của nhân dân hai miền thì đương nhiên hoạt động trao đổi kinh tế chấm dứt.

Năm là, qua trao đổi kinh tế ở khu vực giới tuyến phần nào cho thấy âm mưu chia cắt đất nước lâu dài của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vĩnh Linh (2020). *Lịch sử Đảng bộ Vĩnh Linh 1930-1975*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. (2010). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa 1954-1975. Tài bản*. Thanh Hóa: Nxb Thanh Hóa.
- Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh. (1955a). *Báo cáo tình hình công tác quan hệ Bắc Nam cuối tháng 9 đến 13-10-55*. Số 514-BC/VL,

Việc thúc đẩy thiết lập quan hệ bình thường giữa hai miền nói chung và trao đổi kinh tế nói riêng chủ yếu mang tính “một chiều” từ phía Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong khi đối với chính quyền Ngô Đình Diệm thì ngược lại. Nằm trong tổng thể âm mưu chia cắt đất nước lâu dài, các mối quan hệ với miền Bắc, trong đó có trao đổi kinh tế, chính quyền Ngô Đình Diệm tìm mọi cách để hủy bỏ. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ghi rằng: “Về phương diện pháp lý, tuy ta không công nhận Hiệp định Genève, nhưng chính phủ ta cũng mặc nhận tình hình do hiệp định ấy gây ra trên thực tế, trong đó có Quy chế Khu phi quân sự” (Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, 1957). Mặt khác, đối với những điều khoản xét thấy bất lợi, chính quyền Sài Gòn tìm mọi cách vô hiệu hóa hoặc từ chối thi hành. Bản tin Việt Nam Thông tấn xã của chính quyền Sài Gòn số 2.761 (ngày 25-9-1958) nói rõ: “Sau ngày quân đội viễn chinh Pháp triệt thoái khỏi Việt Nam hồi tháng Tư năm 1956, các nhà cầm quyền Việt Nam (chính quyền Sài Gòn - TG) đã từ khước việc cử đại diện vào Ủy ban hỗn hợp Trung ương thay thế cho các đại diện Pháp” (Việt Nam Thông tấn xã, 1958). Do vậy, khi triển vọng thống nhất đất nước bằng phương pháp hòa bình không còn sau Tuyên cáo 26-4-1958 của chính quyền Ngô Đình Diệm thì tất yếu con đường đấu tranh bằng bạo lực cách mạng sẽ diễn ra, bởi lúc này nhân dân miền Nam không có con đường nào khác như Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 đầu năm 1959 đã khẳng định.

ngày 17-10-1955. Quảng Trị: Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy.

- Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh. (1955b). *Báo cáo tình hình công tác quan hệ Bắc Nam và báo đảm quy chế phi quân sự trong một năm qua*. Số 592/BC-QHBN. Quảng Trị: Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị.
- Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh. (1956). *Báo cáo tình hình Khu vực Vĩnh Linh trong 8*

- tháng qua, tháng 9-1956. Lưu tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vĩnh Linh (cũ).
- Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh. (1957). *Báo cáo tình hình Vĩnh Linh trong hơn hai năm từ khi thành lập Khu vực đặc biệt Vĩnh Linh đến nay*. Số 182, ngày 28-8-1957. Quảng Trị: Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy.
- Ban Chấp hành Đảng ủy Khu vực Vĩnh Linh. (1958). *Báo cáo tình hình năm 1958*, ngày 03-12-1958. Quảng Trị: Phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy.
- Ban Kinh tế Trung ương. (1955). *Tổ chức các ngành thuộc khối kinh tế tài chính tại Vĩnh Linh, kèm theo Nghị định thành lập khu Vĩnh Linh của Thủ tướng Chính phủ số 551-Ttg ngày 16-6-1955*. Số 3228. Quảng Trị: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.
- Ban Thư ký Nội chính Ủy ban Hành chính Liên khu 4. (1955). *Báo cáo công tác quan hệ hai miền từ 20-7 đến 10-8-1955*, ngày 20-8-1955. Hà Nội: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.
- Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng. (2009). *Kinh tế Việt Nam: Thăng trầm và đột phá*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Chử, Giám đốc cảnh sát Quốc gia ở Trung Việt. (1955). *Nguồn tin B1.*, tháng 7-1955. Tp. Hồ Chí Minh: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001a). *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Tập 15 (1954). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001b). *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Tập 16 (1955). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001c). *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Tập 17 (1956). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Đặng Phong (CB). (2005). *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*. Tập II: 1955-1975. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Hoàng Chí Hiếu. (2024). *Khu phi quân sự - Vĩ tuyến 17 (1954-1967)*. Xuất bản lần thứ Ba. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
- Lưu Văn Lợi. (1998). *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam 1945-1995*. Tập 1, Ngoại giao Việt Nam 1945-1975. Hà Nội: Nxb. Công an Nhân dân.
- Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh. (1955a). *Báo cáo tình hình giá cả trong 5 ngày từ ngày 16-10 đến 20-10-1955*. Số 404, ngày 22-10-1955. Quảng Trị: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.
- Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh. (1955b). *Báo cáo hành chánh tháng 10-1955*. Số 433/HC, ngày 5-11-1955. Quảng Trị: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.
- Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh. (1955c). *Báo cáo giá 5 ngày từ 1 đến 5-11-1955*. Số 436-VG/VL, ngày 5-11-1955. Quảng Trị: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.
- Phòng Giao dịch mua bán Bắc Nam - Tổ Vĩnh Linh. (1955d). *Báo giá 5 ngày từ 26 đến 30-11-1955*. Số 470-VG/VL, ngày 1-12-1955. Quảng Trị: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.
- Pitor A.Pulo. (1986). *Nước Mỹ và Đông Dương từ Ru-do-ven đến Ních-xon*. Hà Nội: Nxb. Thông tin Lý luận.
- Phủ Tổng thống Việt Nam cộng hòa. (1957). *Lập trường của chính phủ về việc bãi bỏ đồn liên hợp Cửa Tùng*. Tp. Hồ Chí Minh: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Văn phòng Quốc hội (1994). *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Thủ tướng Chính phủ. (1955). *Nghị định số 551-Ttg*, ngày 16-6-1955. Hà Nội: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.
- Việt Nam Thông tấn xã. (1958). *Bản tin số 2.761*, ngày 25-9-1958. Tp. Hồ Chí Minh: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Ty Công an Vĩnh Linh. (1956). *Báo cáo tình hình và công tác 1956 của Ban Trị an Hành chánh*. Số 799-B2M, ngày 17-12-1956. Quảng Trị: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.
- Ủy ban Hành chính Khu vực Vĩnh Linh. (1957). *Báo cáo tình hình đi lại giữa hai miền, đời sống cán bộ đồng bào miền Nam ở Khu vực Vĩnh Linh trong năm 1956*, ngày 1-1-1957. Quảng Trị: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.
- Nguyễn Khắc Viện. (2008). *Miền Nam Việt Nam từ sau Điện Biên Phủ*. Hà Nội: Nxb. Tri Thức.
- Việt Nam Cộng hòa. (1963). *Niên giám hành chính 1963*. Tp. Hồ Chí Minh: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.